

Số: 1867/QĐ-ĐDN

Nam Định, ngày 19 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2092/QĐ-ĐDN, ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng QL NCKH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB, QL NCKH.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH
Lê Thanh Tùng

**Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động Khoa học và Công nghệ
của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1867/QĐ-ĐDN ngày 19 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

**CHƯƠNG I
QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động Khoa học và Công nghệ (KH&CN) của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức và cá nhân là công chức, viên chức, người học đang làm việc và học tập tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Hiệu quả là kết quả đích thực” của một hoạt động, công việc nào đó. Hiệu quả là so sánh đầu vào với đầu ra của một công việc/hoạt động nào đó (Theo từ điển tiếng Việt thông dụng);
2. Hiệu quả nghiên cứu khoa học được thể hiện qua sự so sánh giữa các nguồn lực đầu tư (nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện v.v...) cho công trình với các kết quả, sản phẩm khoa học công nghệ thu được sau khi kết thúc nghiên cứu (giá trị trong) và các lợi ích, giá trị vật chất, tinh thần tạo ra cho khoa học công nghệ và kinh tế xã hội lâu dài khi ứng dụng các kết quả nghiên cứu sau này (giá trị ngoài);
3. Đánh giá kết quả nghiên cứu là quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu được tạo ra mà chưa xem xét hiệu quả áp dụng.
4. “Đánh giá hiệu quả của nghiên cứu” là xem xét ý nghĩa các tác động sau khi áp dụng các kết quả của đề tài vào đời sống xã hội.
5. Hiệu quả kinh tế (tính thành tiền) là hiệu số hoặc tỷ số so sánh giữa tổng giá trị kinh tế thu được ở đầu ra (giá trị kinh tế của các sản phẩm khoa học công nghệ) do các kết quả nghiên cứu tạo ra ở thời điểm đánh giá xác định hiệu quả với tổng chi phí đầu vào (nhân lực, kinh phí, nguyên vật liệu, khấu hao phương tiện và cơ sở vật chất, năng lượng v.v...). Hiệu quả kinh tế cũng có thể tính bằng số tiền tiết kiệm được, giảm giá thành sản phẩm do ứng dụng kết quả nghiên cứu. Phương pháp phổ biến hiện nay là phân tích lợi ích – chi phí
6. Hiệu quả xã hội được thể hiện qua mức độ đóng góp của công trình nghiên cứu vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội đặt ra trong từng thời kỳ phát triển xã hội cụ thể, thúc đẩy việc phát triển xã hội (về con người, cộng đồng, giáo dục, nâng cao chất lượng và mức sống của các tầng lớp dân cư, môi trường v.v...). Hiệu quả xã hội có thể đánh giá qua so sánh tổng chi phí đầu tư

cho công trình nghiên cứu với mức độ đóng góp và phạm vi tác động vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau

7. Hiệu quả khoa học công nghệ được thể hiện qua mức độ đóng góp của công trình nghiên cứu vào quá trình giải quyết các vấn đề khoa học công nghệ đặt ra trong từng thời kỳ phát triển khoa học công nghệ cụ thể, thúc đẩy sự phát triển khoa học và công nghệ (cơ sở lý luận, trình độ khoa học và năng lực công nghệ quốc gia v.v...).

8. Hiệu quả thông tin được thể hiện qua quá trình và kết quả thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, xử lý, phân tích, đánh giá và sử dụng các nguồn thông tin đa dạng và tin cậy phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu và phổ biến thông tin khoa học kết quả nghiên cứu.

9. Hiệu quả đào tạo là sự đóng góp của các hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác đào tạo và phát triển giáo dục, đào tạo đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ như số lượng và trình độ nhân lực khoa học và công nghệ được đào tạo thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học; các hoạt động nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo v.v...

Điều 3. Mục đích đánh giá hiệu quả nghiên cứu khoa học

Đánh giá hiệu quả nghiên cứu là nhằm đưa ra những nhận định về mức độ hiệu quả của mỗi phương án đầu tư và nghiên cứu khoa học, xem đầu tư vào hướng nào thì đạt hiệu quả như thế nào, từ đó có thể so sánh hiệu quả của những phương án đầu tư khác nhau, để cuối cùng đưa ra được những quyết định chính sách đầu tư có hiệu quả nhất.

Điều 4. Quan điểm đánh giá hiệu quả

Hiệu quả của nghiên cứu khoa học là một phạm trù phức tạp, thậm chí rất phức tạp, không dễ đặt mọi con số về đầu tư vào nghiên cứu khoa học nói chung và mọi chi phí để đưa kết quả nghiên cứu lên bàn tính toán hiệu quả. Lý do của những khó khăn này khá đa dạng vì không phải mọi kết quả nghiên cứu đều đưa đến hiệu quả kinh tế; không phải mọi hiệu quả kinh tế đều thấy được ngay.

CHƯƠNG II TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Điều 5. Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả

TT	Các chỉ số
1	Tiêu chí hiệu quả kỹ thuật công nghệ
1.1	Sáng chế, sáng kiến, được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ
1.2	Số sáng kiến, giải pháp hữu ích được công nhận (do Bộ/Tỉnh công nhận)
1.3	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tế

TT	Các chỉ số
1.4	Số lượng sản phẩm khoa học công nghệ được thương mại hóa
2	Tiêu chí hiệu quả thông tin
2.1	Điểm công trình công bố trên tạp chí khoa học, kỹ yếu
2.1.1	<i>Trong nước</i>
	Tạp chí trong nước chưa có chỉ số ISSN
	Tạp chí trong nước có chỉ số ISSN
	Kỹ yếu hội thảo trong nước
2.1.2	<i>Quốc tế</i>
	Tạp chí quốc tế không nằm trong danh sách ISI
	Tạp chí quốc tế nằm trong danh sách ISI
	Kỹ yếu hội thảo quốc tế
2.2	Báo cáo khoa học tại hội nghị
	Quốc tế
	Quốc gia
2.3	Sách chuyên khảo, giáo trình, sổ tay ...
	Sách chuyên khảo
	Sổ tay hướng dẫn, Giáo trình
	Tài liệu tập huấn
2.4	Các loại nhiệm vụ KH&CN
	Đề tài cấp quốc gia
	Đề tài cấp Bộ, tỉnh
	Đề tài cấp cơ sở
3	Tiêu chí hiệu quả kinh tế
3.1	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học
3.2	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu tư
4	Tiêu chí hiệu quả xã hội
4.1	Đổi mới cơ chế chính sách của Nhà trường
4.2	Đổi mới hoạt động quản lý của Nhà trường
4.3	Nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân
4.4	Góp phần bảo vệ môi trường
5	Tiêu chí hiệu quả đào tạo
5.1	Số lượng tiến sĩ được đào tạo
5.2	Số lượng thạc sĩ được đào tạo
5.3	Số lượng chuyên khoa I được đào tạo

TT	Các chỉ số
5.4	Sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp

Điều 6. Phương pháp tính điểm đánh giá hiệu quả hoạt động KH&CN

1. Tiêu chí hiệu quả kỹ thuật công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Điểm	Số lượng	Tổng
1	Sáng chế, sáng kiến, được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ	20		
2	Số tiến bộ kỹ thuật, giải pháp hữu ích được công nhận (do Bộ/Tỉnh công nhận)	10		
3	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tế	10		
4	Số lượng sản phẩm khoa học công nghệ được thương mại hóa	20		

2. Tiêu chí hiệu quả thông tin

TT	Chỉ tiêu	Điểm	Số lượng	Tổng
1	<i>Điểm công trình công bố trên tạp chí khoa học, kỹ yếu</i>			
1.1	Trong nước			
	Tạp chí trong nước chưa có chỉ số ISSN	1		
	Tạp chí trong nước có chỉ số ISSN	2		
	Kỹ yếu hội thảo trong nước	1		
1.2	Quốc tế			
	Tạp chí quốc tế không nằm trong danh sách ISI	2		
	Tạp chí quốc tế nằm trong danh sách ISI	3		
	Kỹ yếu hội thảo quốc tế	1		
2	<i>Báo cáo khoa học tại hội nghị</i>			
	Quốc tế	3		
	Quốc gia	1		
3	<i>Sách chuyên khảo, giáo trình, sổ tay ...</i>			
	Sách chuyên khảo	5		
	Sổ tay hướng dẫn, Giáo trình	3		
	Tài liệu tập huấn	1		
4	<i>Điểm đề tài, dự án các cấp (chỉ dùng đánh giá toàn trường)</i>			
	Cấp Nhà nước	5		

	Cấp Bộ/Tỉnh	3		
	Cấp cơ sở	1		

3. Tiêu chí hiệu quả kinh tế

TT	Chỉ tiêu	Cách đánh giá
1	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học	≤ 1 triệu đồng = 1 điểm
2	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với kinh phí đầu tư thực hiện nhiệm vụ	$\leq 0,1 = 1$ điểm

4. Tiêu chí hiệu quả xã hội

TT	Chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Đổi mới cơ chế chính sách của Nhà trường	20	
2	Đổi mới hoạt động quản lý của Nhà trường	15	
3	Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân	15	
4	Góp phần bảo vệ môi trường	15	

5. Tiêu chí hiệu quả đào tạo

TT	Loại đào tạo	Điểm/người	Số lượng	Tổng
1	Số lượng tiến sĩ được đào tạo	10		
2	Số lượng thạc sĩ được đào tạo	7		
3	Số lượng chuyên khoa I được đào tạo	5		
4	Sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp	3		

6. Phân loại tính hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ

a) Phân loại tính hiệu quả của từng đề tài nghiên cứu

TT	Số điểm	Phân loại
1	< 20 điểm	Không đạt
2	20 - 30 điểm	Đạt
3	< 30 - 40 điểm	Khá
4	> 40 điểm	Tốt

b) Phân loại tính hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ toàn trường

TT	Số điểm	Phân loại
1	< 300 điểm	Không đạt

2	300 -350 điểm	Đạt
3	< 350 - 400 điểm	Khá
4	> 400 điểm	Tốt

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Phòng QL NCKH là đơn vị đầu mối thực hiện việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động KH&CN do nhà trường quản lý.

2. Trách nhiệm của các đơn vị khác trong toàn trường có trách nhiệm phổ biến quy định này đến các viên chức trong đơn vị. Cung cấp các thông tin có liên quan để phòng QL NCKH thực hiện việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động KH&CN.

Điều 9: Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có các sản phẩm KH&CN được đánh giá tính hiệu quả cao sẽ được khen thưởng theo quy định của Nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động KH&CN không mang lại hiệu quả tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý ở các hình thức khác nhau theo quy định của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 10: Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, quy định này có thể được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định này do Hiệu trưởng quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH
***Lê Thanh Tùng**